NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

KẾT CẤU CHƯƠNG

- SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG NHTM
- KHÁI NIỆM NHTM
- CHỨC NĂNG CỦA NHTM
- PHÂN LOẠI NHTM
- CÁC NGHIỆP VỤ NHTM
- CÁC RỦI RO TRONG NHTM
- HỆ THỐNG NHTM VỆT NAM

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG NHTM

Thời kỳ Ngân hàng sơ khai

Giữ tiền →

- Giữ tiền
- Cho vay
- Thanh toán

Giai đoạn phát triển và hoàn thiện

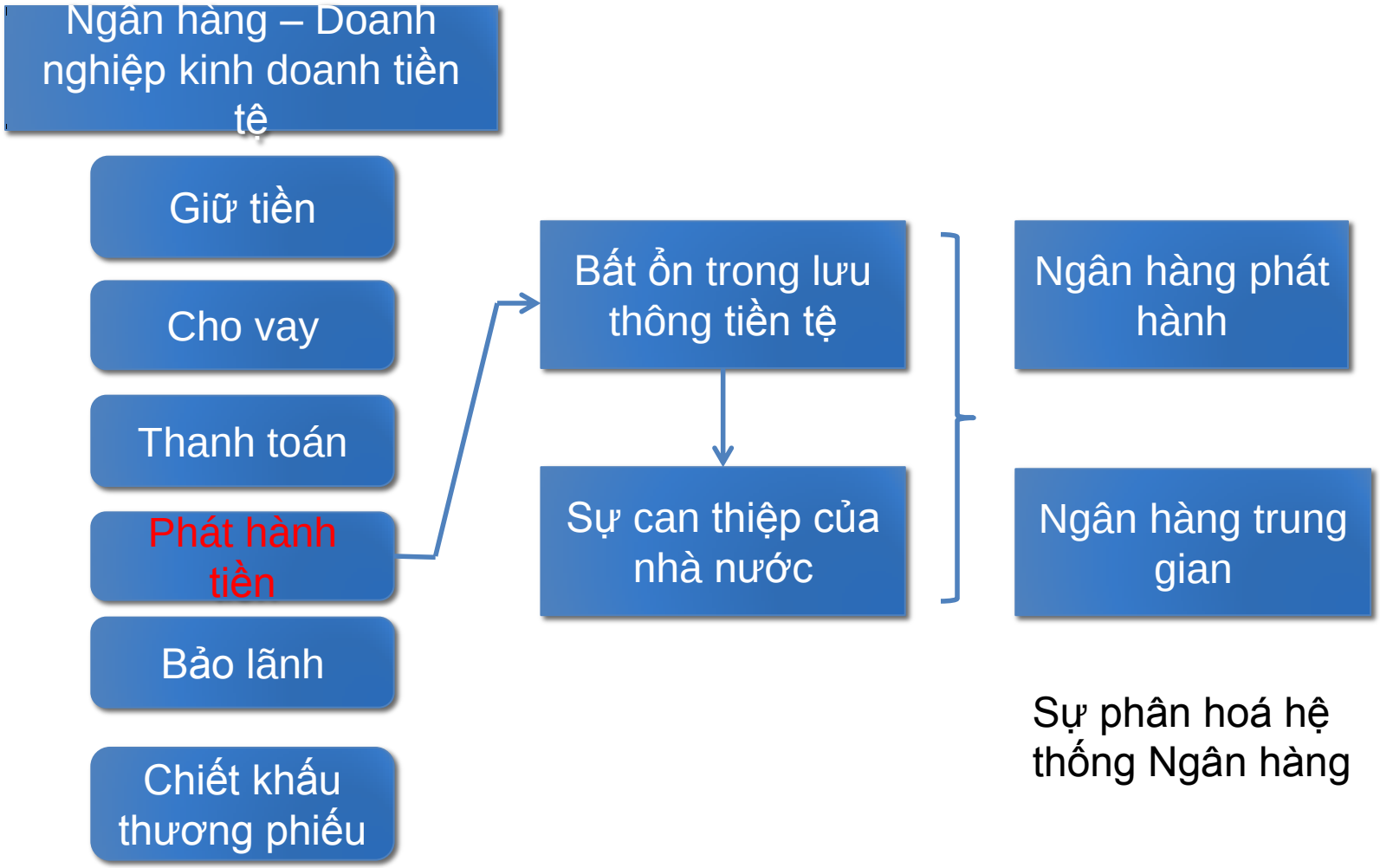

Sự phân hoá hệ thống Ngân hàng

Khái niệm NHTM

- Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về NH. Tựu trung lại, NH có thể được định nghĩa theo:

- Chức năng của NH
- Các dịch vụ mà NH cung cấp cho KH
- Cơ sở pháp lý tồn tại của NH

Khái niệm NHTM

- **Định nghĩa Ngân hàng**

Một số định nghĩa tiêu biểu:

- ***Peter S.Rose***: "NH là loại hình tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất - đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm và dịch vụ thanh toán và thực hiện nhiều chức năng tài chính nhất so với bất kỳ tổ chức kinh doanh nào trong nền kinh tế.." (Peter S.Rose, 2004, tr.7)
- ***Luật Các Tổ chức tín dụng VN 2010:*** "NH là một loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện tất cả các hoạt động NH theo quy định của luật này. Theo tính chất và mục tiêu hoạt động, các loại hình NH gồm NHTM, NH chính sách, NH hợp tác xã" (Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng)"
- "Hoạt động NH là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây: - Nhận tiền gửi
- Cấp tín dụng
- Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản"

Khái niệm NHTM

Định nghĩa Ngân hàng

- Tóm lại: Ngân hàng được định nghĩa là hoạt động nhận tiền gửi từ công chúng để cho vay hoặc đầu tư, những khoản tiền gửi này được hoàn trả trên cơ sở không kỳ hạn hoặc có kỳ hạn.

Khái niệm NHTM

- **Định nghĩa Ngân hàng thương mại**
- ***Luật Các Tổ chức tín dụng VN 2010:*** "NHTM là loại hình NH được thực hiện tất cả các hoạt động NH và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận"

Khái niệm NHTM

Đặc điểm Ngân hàng thương mại

- Hoạt động NHTM là loại hình hoạt động kinh doanh với ***mục đích kiếm lời***, bao gồm hai hình thức chủ yếu là kinh doanh tiền tệ và dịch vụ NH.
- Hoạt động NHTM là loại hình kinh doanh ***có độ rủi ro cao*** hơn nhiều so với các loại hình kinh doanh khác và thường có ảnh hưởng sâu sắc, mang tính chất dây chuyền đối với nền kinh tế.
- Hoạt động NHTM là loại hình hoạt động ***kinh doanh có điều kiện***, nghĩa là khi nào một tổ chức thỏa mãn đầy đủ những điều kiện do pháp luật quy định thì mới được phép thực hiện các hoạt động NH trên thị trường.

Chức năng của NHTM

- Chức năng trung gian tín dụng
- Chức năng thanh toán
- Chức năng tạo tiền
- Cung cấp các dịch vụ tài chính khác

- ***Cơ sở ra đời của chức năng?***
- ***Nội dung của chức năng?***
- ***Ý nghĩa của chức năng?***
- ***Mối quan hệ giữa các chức năng?***
- ***Chức năng nào là quan trọng nhất?***

Chức năng trung gian tín dụng

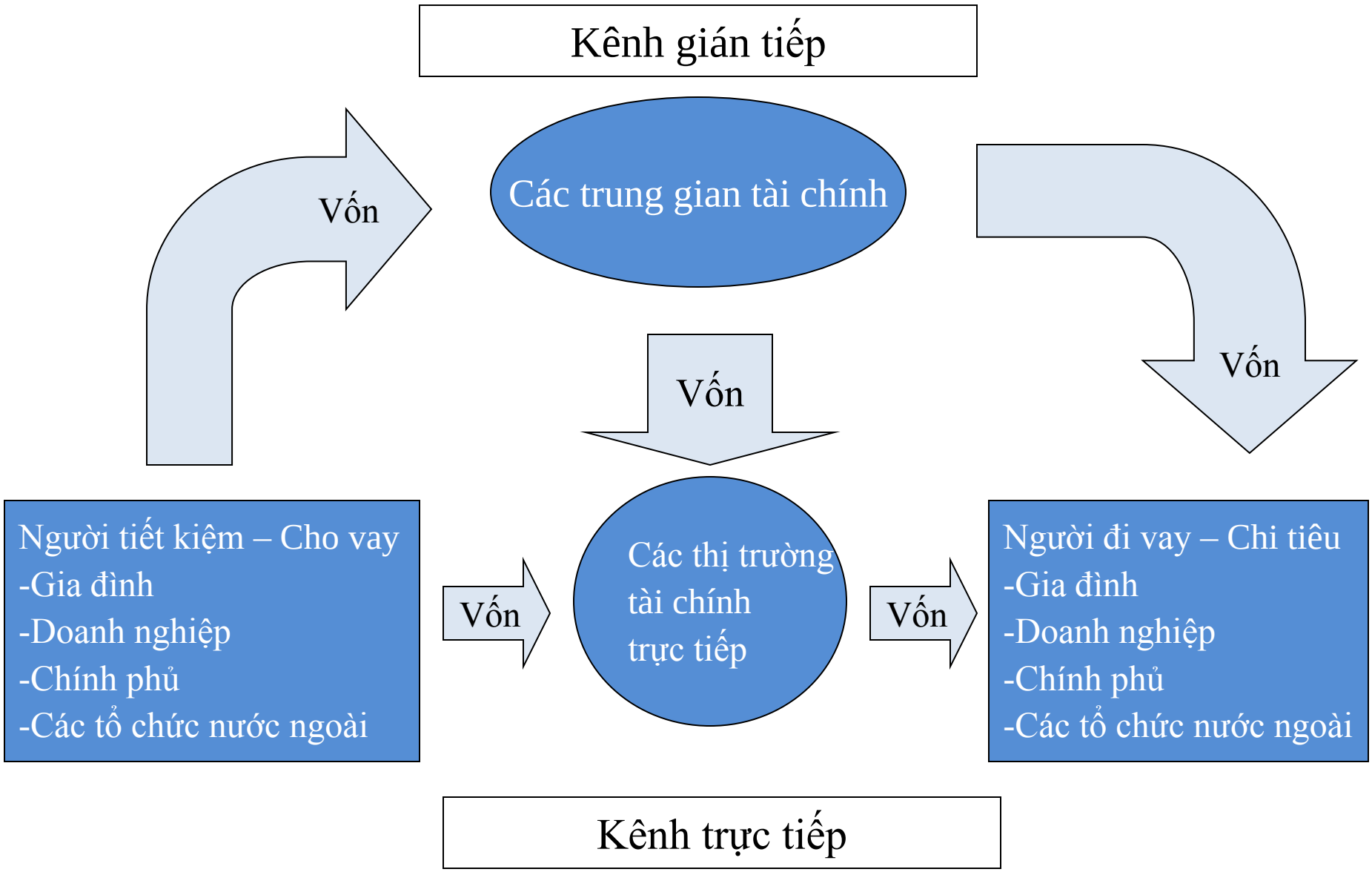

Chức năng trung gian tín dụng

- Bản chất của hoạt động huy động tiền gửi và cho vay này là hoạt động biến đổi tài sản (asset-transformation).
- Đây là chức năng quan trọng nhất của NHTM vì nó phản ánh bản chất của NHTM: đi vay để cho vay; quyết định sự tồn tại và phát triển của NHTM và là cơ sở để thực hiện các chức năng khác.

Chức năng thanh toán

- NHTM đóng vai trò “thủ quỹ” cho các DN và cá nhân, thực hiện thanh toán theo yêu cầu của KH như:
- Trích tiền từ tài khoản tiền gửi của KH để thanh toán tiền mua HH, DV…
- Nhập vào tài khoản tiền gửi của KH tiền thu bán hàng và các khoản thu khác theo lệnh của họ…
- Các NHTM còn thực hiện thanh toán bù trừ với nhau thông qua NHTW hoặc các trung tâm thanh toán.

Chức năng thanh toán

- Thanh toán dùng tiền mặt
- Thanh toán không dùng tiền mặt
  - Thanh toán bằng séc
  - Thanh toán bằng ủy nhiệm thu, chi
  - Thanh toán bằng thẻ
  - Thanh toán qua ngân hàng điện tử

Chức năng tạo tiền

- Tạo tiền ở đây không phải là in giấy bạc.
- Từ một khoản tiền gửi ban đầu, thông qua cho vay và chuyển khoản, hệ thống NHTM có thể tạo nên số tiền gửi (tiền tín dụng) cao gấp nhiều lần số tiền ban đầu.
- Quá trình tạo tiền chỉ có thể thực hiện khi có sự tham gia của cả hệ thống NHTM, một NHTM không thể làm được.

Chức năng tạo tiền

- Mô hình tạo tiền giản đơn
- Mô hình tạo tiền trong thực tế

Mô hình tạo tiền giản đơn

- Giả thiết:
  - KH thực hiện thanh toán hàng hóa dịch vụ hoàn toàn thông qua tài khoản tiền gửi thanh toán tại hệ thống NHTM
  - Các NHTM chỉ dự trữ đúng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
  - Toàn bộ số dư còn lại NHTM sử dụng để cho vay

Cơ chế của việc tạo tiền

Các NH	Các món tiền gửi	Các món cho vay	Các khoản DTBB
A	+100	+90	+10
B	+90	+81	+9
C	+81	+72,9	+8,1
D	+72,9	+65,61	+7,29
E	+65,61	+59,05	+6,56
F	+59,05	+53,14	+5,91
….	…	…	…
Tổng	**+1000**	**+900**	**+100**

Quá trình tạo tiền – mô hình đơn giản

- Số nhân tiền gửi (m) đơn giản:

- △D = D + D(*1-r*) + D(*1-r*)2 + D(*1-r*)3 + ……= D/r

  m=1/r

- D: tiền gửi tại NH
- △D: mức thay đổi tiền gửi tại NH
- r: tỷ lệ dự trữ bắt buộc

Ý nghĩa: từ một khoản tiền gửi ban đầu, hệ thống NHTM sẽ tạo nên một số tiền gửi thanh toán gấp m lần.

- ***Hạn chế của mô hình đơn giản?***

Mô hình tạo tiền thực tế

Giả sử có tỷ lệ giữ tiền mặt của dân cư, ngân hàng không chỉ giữ tỷ lệ dự trữ bắt buộc mà còn có tỷ lệ dự trữ vượt mức

- Số nhân tiền gửi (m) thực tế:

$$MS=m.MB=C+D$$

$$MB=R+C=RR+ER+C=r.D+e.D+c.D=(r+e+c).D$$

$$D=MB/(r+e+c)$$

$$MS=C+D=c.D+D=D(1+c)=MB.(1+c)/(r+e+c)$$

$$\mathbf{m=(1+c)/(r+e+c)}$$

- MS: tổng lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế
- MB: tiền cơ sở; C: tiền mặt trong lưu thông; D: tiền gửi thanh toán
- r=RR/D: tỷ lệ dự trữ bắt buộc trên tiền gửi; e=ER/D: tỷ lệ dự trữ vượt mức trên tiền gửi; c=C/D: tỷ lệ nắm giữ tiền mặt trên tiền gửi

Phân loại NHTM

- Căn cứ vào hình thức sở hữu
- Căn cứ vào tính chất hoạt động
- Căn cứ vào cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào hình thức sở hữu

- NHTM nhà nước
- NHTM cổ phần
- NHTM tư nhân
- NHTM liên doanh

Căn cứ vào tính chất hoạt động

- NHTM đa năng và NHTM chuyên doanh
- NHTM bán buôn và NHTM bán lẻ

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức

- Ngân hàng sở hữu công ty
- Công ty sở hữu ngân hàng

Một số loại hình ngân hàng khác

- Ngân hàng đơn nhất và ngân hàng có chi nhánh
- Văn phòng đại diện:

✓là cơ sở của ngân hàng,

✓là nơi tiếp xúc, trao đổi thông tin với KH ở nước ngoài, chuyển những kết quả tiếp xúc và thông tin về trụ sở chính.

✓không được tiến hành các hoạt động có tính chất kinh doanh vì lợi nhuận (nhận tiền gửi, cho vay, cung cấp DV thanh toán…) nhưng có thể thực hiện hoạt động marketing nhằm tạo thuận lợi cho giao dịch giữa NH trong nước với KH ở nước ngoài.

- Ngân hàng đại lý:

✓Mỗi NH thường có giới hạn về hệ thống CN, trong khi KH thì rộng khắp

✓Các NH đại lý cung cấp dịch vụ hai chiều lẫn nhau trong việc thanh toán bù trừ, thanh toán séc, nhờ thu, mở và thông báo L/C, cho vay hợp vốn...

Các hoạt động chủ yếu của NHTM

- Huy động vốn
- Cấp tín dụng
- Dịch vụ thanh toán
- Dịch vụ ngân quỹ
- Dịch vụ kinh doanh ngoại hối
- Đầu tư
- Các hoạt động khác

Các nghiệp vụ NHTM

- Nghiệp vụ tài sản nợ
- Nghiệp vụ tài sản có
- Nghiệp vụ ngoại bảng CĐKT

Các nghiệp vụ NHTM

Bảng cân đối kế toán của NHTM

Tài sản (Assets)	Nguồn vốn (Liabilities)
• Dự trữ ngân quỹ (Cash reserves) • Tiền gửi tại các NH khác (Deposits at Other Banks) • Tiền trong quá trình thu (Cash Items in Process of Collection) • Chứng khoán (Securities) • Cho vay (Loans) • Tài sản cố định và khác (Fixed and Other Assets)	• Tiền gửi không kì hạn/ thanh toán (Demand and Notice Deposits) • Tiền gửi kì hạn (Fixed – Term/time Deposits) • Đi vay (Borrowings) • Vốn chủ sở hữu ngân hàng (Bank capital)

Nghiệp vụ Tài sản Nợ của NHTM

- **Là nghiệp vụ huy động, tạo nguồn vốn của NHTM.**
- Nguồn vốn của NHTM gồm:

✓(1) Nguồn vốn chủ sở hữu (Equity)

✓(2) Nguồn vốn huy động/ vốn tiền gửi (deposits)

✓(3) Nguồn vốn đi vay (Debt)

✓(4) Nguồn vốn khác (được hình thành dựa trên nguồn ủy thác, ký quỹ…)

- Tiền gửi/ huy động chiếm một tỉ trọng rất lớn trong cơ cấu nguồn vốn ngân hàng.

(1) Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn chủ sở hữu của NH thường là nguồn vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu hoặc thông qua lợi nhuận để lại. Cụ thể bao gồm:

✓Vốn điều lệ (Charter capital)

✓Lợi nhuận để lại không chia

✓Các quỹ NHTM: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.

✓Nguồn vay nợ có thể chuyển đổi thành cổ phần

- Vốn CSH của một NH cần đủ để bù đắp lỗ từ hoạt động kinh doanh trong trường hợp các chi phí và khoản lỗ vượt quá doanh thu.
- Các nhà quản lý NH có những quy định hết sức chặt chẽ về mức độ vốn tối thiểu của NH.

(1) Nguồn vốn chủ sở hữu

- **Vốn điều lệ:** Là khoản vốn thuộc sở hữu của ngân hàng, ghi trong bản điều lệ của ngân hàng, được hình thành ngay từ khi NHTM được thành lập.
- **Lợi nhuận để lại không chia:** còn gọi là lợi nhuận giữ lại, phản ánh lợi nhuận phát sinh trong hoạt động NH chưa được phân chia cho cổ đông dưới dạng cổ tức và lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

(1) Nguồn vốn chủ sở hữu

Qũy NHTM

- *Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ*: được hình thành từ 2 nguồn cơ bản:

Trích từ lợi nhuận hàng năm.

Thặng dư vốn: Là phần chênh lệch vốn cổ phần được xác định bởi chênh lệch giữa giá bán cổ phần và mệnh giá hoặc các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật.

- *Quỹ dự phòng tài chính:* nhằm bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- *Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ*: để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động KD và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của TCTD.
- *Quỹ phúc lợi, khen thưởng:* để thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên NH hoặc để đầu tư xây dựng hoặc sữa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của NH.

(1) Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguồn vay nợ có thể chuyển đổi thành cổ phần:

- Từ những năm 1960, các NH trên thế giới đã được các cơ quan quản lý NH cho phép huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu ưu đãi, CK nợ được chuyển đổi thành vốn cổ phần.
- Nguồn vốn huy động này có thể được coi là một bộ phận của vốn chủ sở hữu của NH do chúng cho phép NH sử dụng lâu dài phục vụ mục đích kinh doanh của mình.

(1) Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ngoài ra, còn có **vốn coi như tự có**:

✓bao gồm các khoản vốn tạm thời nhàn rỗi của ngân hàng.

✓là những khoản vốn đã được phân bổ cho những mục đích chi tiêu nhất định nhưng tạm thời chưa sử dụng

✓ví dụ: lợi nhuận chờ phân bổ, tiền lương chưa đến hạn thanh toán hoặc các quỹ chuyên dùng chưa sử dụng đến như quỹ phát triển nghiệp vụ ngân hàng, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khấu hao tài sản cố định…

(2) Nguồn vốn huy động

- Tiền gửi thanh toán (Demand/ Checkable deposits)
- Tiền gửi có kỳ hạn (Time deposits)
- Tiền gửi tiết kiệm (Savings deposits)
- Tiền gửi của các NH khác.

(2) Nguồn vốn huy động

- **Tiền gửi thanh toán**
- (còn gọi là tiền gửi không kỳ hạn): Là hình thức DN hoặc các cá nhân gửi tiền vào NH nhờ NH giữ và thanh toán hộ; là loại tiền gửi không kỳ hạn.
- Tài khoản vãng lai (tài khoản séc)

✓Cung cấp cho KH muốn viết séc trên TK tiền gửi của họ.

✓Yêu cầu một số dư tối thiểu trên TK và không có lãi suất

- Tài khoản vãng lai có trả lãi (NOW)

✓Trả lãi cũng như cung cấp dịch vụ séc.

✓Thường yêu cầu số dư tối thiểu cao hơn TK tiền gửi vãng lai khác.

(2) Nguồn vốn huy động

- **Tiền gửi có kỳ hạn**

Là tiền gửi mà người gửi tiền chỉ có thể rút tiền sau một kỳ hạn nhất định theo thỏa thuận với tổ chức nhận tiền gửi.

- Hai loại tiền gửi có kỳ hạn phổ biến nhất là:

✓Chứng chỉ tiền gửi ghi danh

✓Chứng chỉ tiền gửi không ghi danh

(2) Nguồn vốn huy động

Tiền gửi tiết kiệm (không kỳ hạn)

- Là khoản tiền của cá nhân được gửi vào tài khoản tiền gửi tiết kiệm, được xác nhận trên sổ tiết kiệm, được hưởng lãi theo quy định của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm và được bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.
- Các tiền gửi tiết kiệm truyền thống là các tài khoản không cho phép phát hành séc.
- Tài khoản tiết kiệm không kỳ hạn không giới hạn số dư tài khoản.

- ***Tại sao tiền gửi tiết kiệm của dân cư lại cần có sự quản lý đặc biệt?***

(2) Nguồn vốn huy động

Tiền gửi của các NH khác

- Với tư cách làm NH đại lý cho các NHTM khác, NHTM đại lý có thể nhận tiền gửi của NH ủy thác một số tiền nhất định để thực hiện thanh toán hộ cho NH ủy thác này.

(3) Nguồn vốn đi vay (Debt)

- Vay từ NHTW
- Vay vốn của các TCTD trong nước và nước ngoài
- Vay trên thị trường tài chính (phát hành các chứng từ có giá)
- Vay của công ty mẹ.

(3) Nguồn vốn đi vay (Debt)

Vay từ NHTW

- Trong trường hợp có nhu cầu vốn cấp bách, các NHTM có thể tìm đến NHTW xin vay vốn (còn gọi là vay qua cửa sổ chiết khấu).
- Đây là nguồn cung ngắn hạn, tạm thời, kỳ hạn khoản vay này từ 1 ngày đến vài tuần.
- Lãi suất cho loại khoản vay này là tỉ lệ cho vay tín dụng cơ bản.
- Hình thức cấp vốn:

✓Chiết khấu hoặc tái chiết khấu các giấy tờ có giá.

✓Cho vay lại theo hồ sơ tín dụng

✓Cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá khác

(3) Nguồn vốn đi vay (Debt)

Vay vốn của các TCTD trong nước và nước ngoài

- Còn gọi là vay trên thị trường liên NH.
- Là hình thức các NHTM vay mượn vốn lẫn nhau và vay của các tổ chức tín dụng khác trên thị trường liên NH trong nước và quốc tế.
- Thực tế đó chỉ là một khoản vay ngắn hạn, thường với kỳ hạn từ 1 đến 7 ngày.

(3) Nguồn vốn đi vay (Debt)

- **Vay trên thị trường tài chính:**
- Các NHTM có thể huy động nguồn vốn kinh doanh thông qua phương thức phát hành các giấy tờ có giá và bán trên thị trường tài chính (như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu, kì phiếu….)
- Để cung cấp vốn dài hạn, NH phát hành trái phiếu. Tuy nhiên, do nhu cầu vốn dài hạn của NH ít hơn các loại hình DN nên trái phiếu do NH phát hành ít hơn.

(3) Nguồn vốn đi vay (Debt)

Vay trên thị trường quốc tế (Eurodollar)

- Ngoài ra, khi NH trong nước cần nguồn vốn ngắn hạn, họ có thể vay từ các NH ở ngoài lãnh thổ, những NH cung cấp các khoản tiền gửi bằng đồng nội tệ.

(4) Nguồn vốn khác

- Vốn ủy thác:

✓Tổ chức chính phủ, phi chính phủ, tổ chức KT-XH có nguồn tài chính và muốn thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH của mình đã sử dụng mạng lưới của NH là kênh dẫn vốn tới các mục tiêu đó.

✓Các nội dung ủy thác thường là: ủy thác cho vay, ủy thác đầu tư, ủy thác cấp phát vốn, ủy thác giải ngân..., trong đó người ủy thác ngay từ ban đầu đã phải gửi vào ngân hàng một số tiền nhất định.

- Vốn ký quỹ/ Vốn trong thanh toán:

✓Trong thanh toán, bảo lãnh…để thực hiện nghĩa vụ của mình, KH phải ký quỹ tại các NHTM, ví dụ: tiền gửi của các NH khác để nhờ thanh toán hộ, tiền ký quỹ của KH để đảm bảo thanh toán bằng L/C, séc trong quá trình chi trả....

- Vốn khác: tiền đặt cọc của khách hàng, tiền phong tỏa theo lệnh của tòa án, nợ thuế, nợ lương và các khoản phải trả khác.

Nghiệp vụ Tài sản có

- Là nghiệp vụ sử dụng vốn của NHTM.
- Sử dụng vốn thực chất là quá trình tạo nên các loại tài sản khác nhau của NH như: cho vay, đầu tư, ngân quỹ, tài sản cố định và các tài sản khác.
- Bao gồm: (1) Nghiệp vụ ngân quỹ, (2) Nghiệp vụ tín dụng, (3) Nghiệp vụ đầu tư.
- Hầu hết tài sản của NHTM là tài sản tài chính
- Tất cả các loại tài sản của NH phải đảm bảo tối thiểu hai điều kiện cơ bản, đó là an toàn và sinh lợi cho NH.

(1) Nghiệp vụ Ngân quỹ

- Ngân quỹ của NH có thể tồn tại dưới những hình thức sau:

✓Dự trữ

-*Tiền mặt tại quỹ NH:* Dự trữ tại chính NHTM đó dưới dạng tiền mặt tại két của NH, có thể gồm nội tệ, ngoại tệ, vàng bạc đá quý…, CK ngắn hạn có tính lỏng cao.

-*Tiền gửi tại NHTW:* Dự trữ bắt buộc và dự trữ vượt mức nằm tại NHTW nhằm đảm bảo yêu cầu dự trữ bắt buộc và công tác thanh toán chi trả thông qua NHTW.

✓**Tiền gửi tại các NH khác**: gửi tại NH đại lý nhằm hỗ trợ cho các dịch vụ thanh toán chi trả hộ, khoản tiền gửi này có thể sinh lời song rất thấp.

✓**Tiền mặt trong quá trình thu:** trường hợp phát sinh quan hệ thanh toán trong đó trên tài khoản NH hưởng lợi được ghi Có số tiền tương ứng nhưng phải mất một thời gian nhất định số tiền đó thực tế mới về đến NH (ví dụ: thanh toán bằng séc).

(2) Nghiệp vụ tín dụng

- **Tín dụng:** là sự chuyển nhượng tạm thời một lượng giá trị tài sản (vốn) từ người sở hữu sang người sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định trên cơ sở tín nhiệm (tin tưởng) người sử dụng vốn hiệu quả để có khả năng hoàn trả một lượng giá trị lớn hơn giá trị ban đầu.
- **Đặc điểm của tín dụng:** tính tạm thời (tính thời hạn), tính hoàn trả với giá trị lớn hơn giá trị ban đầu và tính chất tin tưởng người sử dụng vốn có khả năng hoàn trả đúng hạn, tính rủi ro, cam kết hoàn trả vô điều kiện.
- Gồm:

✓Cho vay (Loans)

✓Chiết khấu, tái chiết khấu

✓Cho thuê tài chính

✓Bảo lãnh (tín dụng chữ ký)

✓Ủy thác thu hay bao thanh toán

(2) Nghiệp vụ tín dụng

Cho vay

- Các phương thức cho vay: *Cho vay từng lần; Cho vay theo hạn mức tín dụng; Cho vay thấu chi; Cho vay theo dự án đầu tư; Cho vay trả góp; Cho vay hợp vốn; Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng.*
- Ngoài ra, có thể phân loại theo: *Cho vay kinh doanh, Cho vay tiêu dùng.*
- Cho vay liên NH: cho vay các NH khác trên thị trường liên NH.
- Các khoản cho vay trên thị trường quốc tế (Eurodollar): khoản cho vay bằng đồng nội tệ do chi nhánh của NH trương nước tại nước ngoài hoặc các NH nước ngoài cho vay.

(2) Nghiệp vụ tín dụng

NGHIỆP VỤ ĐẦU TƯ

- **Đầu tư tài chính** (mà chủ yếu là đầu tư CK) là việc NH dùng nguồn vốn của mình mua các giấy tờ có giá phát hành lần đầu trên thị trường sơ cấp cũng như mua lại trên thị trường thứ cấp -> dự trữ cấp 2.
- *Mục đích của đầu tư tài chính:*

✓Tăng lợi nhuận bằng cách giảm dự trữ tiền mặt, tăng giấy tờ có giá sinh lời.

✓Tăng cường khả năng thanh khoản bằng cách nắm giữ một danh mục đa dạng các loại CK dễ mua bán chuyển nhượng.

✓Phân tán rủi ro bằng cách làm đa dạng hóa danh mục tài sản NH.

- *Các chứng khoán đầu tư:*

✓Các CK ngắn hạn: Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi, thương phiếu (hối phiếu đòi nợ và hối phiếu nhận nợ)...

✓Các CK dài hạn: Trái phiếu chính phủ, trái phiếu công ty, trái phiếu NH...

- L**iên doanh góp vốn, mua cổ phần** của DN hay của các TCTD khác.

(2) Nghiệp vụ tín dụng

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Các NH cần duy trì một lượng tài sản cố định nhất định như: các tòa nhà, đất đai, trang thiết bị... để phục vụ cho hoạt động của mình.

(2) Nghiệp vụ tín dụng

Nghiệp vụ ngoại bảng

- Các nghiệp vụ ngoại bảng CĐKT là các nghiệp vụ tạo phí mà không cần sự đầu tư vốn ban đầu.

✓Cung cấp các dịch vụ thanh toán/thu hộ

✓Bảo lãnh

✓Tín thác

Nguyên tắc quản trị NHTM

- Đảm bảo khả năng thanh toán thường xuyên.
- Bảo đảm mức sinh lời cao.
- Quản trị tốt rủi ro của các NHTM.

Các loại rủi ro trong NHTM

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một tài sản hoặc một khoản vay không thể thu hồi được trong trường hợp vỡ nợ hoàn toàn, hoặc rủi ro một sự trì hoãn không lường trước được trong việc chi trả cho khoản vay

Các loại rủi ro trong NHTM

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro NH không đủ thanh khoản cho các yêu cầu hoạt động thông thường, đó là khả năng đáp ứng các khoản nợ khi đến hạn.

Các loại rủi ro trong NHTM

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro NH không đủ thanh khoản cho các yêu cầu hoạt động thông thường, đó là khả năng đáp ứng các khoản nợ khi đến hạn.

Các loại rủi ro trong NHTM

- **Rủi ro khác**

✓Rủi ro hoạt động

✓Rủi ro thể chế, rủi ro chính trị, rủi ro chính sách…

Hệ thống NHTM Việt nam

- Ngân hàng thương mại nhà nước
- Ngân hàng chính sách
- Ngân hàng thương mại cổ phần
- Chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- Ngân hàng liên doanh
- Ngân hàng 100% vốn nước ngoài
- VP đại diện ngân hàng nước ngoài

Theo số liệu của NH Nhà nước Việt Nam, tính đến 6/2013 có:

- NHTM Nhà nước (5): VCB, Vietinbank, BIDV, Agribank, NH phát triển nhà Đồng Bằng sông Cửu Long
- NH chính sách nhà nước (1): NH chính sách xã hội VN
- Quỹ tín dụng nhân dân VN (1): Quỹ tín dụng nhân trung ương (968 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở ở các tỉnh thành)
- NHTMCP (35)
- Chi nhánh NH nước ngoài tại VN (50)
- NH 100% vốn nước ngoài (5): HSBC, Standard Chartered, Shinhan Vietnam, ANZ, Hong Leong
- NH Liên doanh (4): NH TNHH Indovina, NH Việt-Nga, NH VID Public Bank, NH Việt-Thái
- VP đại diện (50)

- Số lượng NH qua các năm (Nguồn: SBV.gov.vn)

Năm	1991	1993	1995	1997	1999	2001	2005	2006	2007	2008	2009	2012
NH TMQD	4	4	4	5	4	5	5	5	5	4	3	5
NH TMCP	4	41	48	51	48	39	37	34	35	39	40	34
NH LD	1	3	4	4	4	4	4	5	5	5	5	4
NH NN											5	5

Tại sao số lượng NHTMCP năm 1993 tăng nhanh như vậy?
Lý do giảm sau đó từ 1997-> 2012?

Những cảnh báo về sự bất ổn của hệ thống NHTM VN:

- Vấn đề nợ xấu
- Vấn đề sở hữu chéo
- Số lượng không đi kèm chất lượng
- Vấn đề thanh khoản
- Vấn đề an toàn vốn tối thiểu
- Rủi ro đạo đức
- Khả năng sinh lời trong khu vực NH
- Một số bất ổn khác